

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C P  
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 11 năm 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH G L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Đình Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chu Xuân Toàn

2. Bà Ksor H'Séo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tham gia phiên tòa:**  
Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N T T, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn T N, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Có mặt

2. Bị đơn: Anh N S H, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T N, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, bản tự khai ngày 22/6/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị N T T trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh N S H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 21/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã I D, huyện C P, tỉnh G L (trước đây là Ủy ban nhân dân xã I D, huyện C S, tỉnh G L). Trong quá trình chung sống, do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên chúng tôi thường xuyên cãi vã, xích mích làm cho cuộc sống gia đình thường xuyên ở trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng tự giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tôi thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi đã trầm trọng, vợ chồng không còn

tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Tôi và anh H có hai con chung là N T H T, sinh ngày 03/8/2006 và N L A, sinh ngày 22/5/2013.

Hiện hai cháu đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\* Tại Bản tự khai ngày 09/8/2021 và Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/11/2021 anh N S H trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và cô T sống chung số đăng ký kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa tôi và cô T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn tình cảm với nhau. Tôi thường hay đi làm xa, cuộc sống gia đình nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay cô T làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý và cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô T.

- Về con chung: Tôi và cô T có 02 con chung là N T H T, sinh ngày 03/8/2006 và N L A, sinh ngày 22/5/2013.

Hiện các cháu sống với cô T. Con chung tôi để cô T nuôi. Tôi khó khăn nên khi nào có điều kiện sẽ chu cấp sau.

- Về tài sản và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị N T T ly hôn anh N S H

Về con chung: Giao 02 con chung là hai con chung là N T H T, sinh ngày 03/8/2006 và N L A, sinh ngày 22/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị N T T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị N T T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N S H có nơi cư trú tại thôn T N, xã I D, huyện C P, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh N S H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị N T T và anh N S H đăng ký kết hôn ngày 21/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã I D, huyện C P, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống do tính cách và quan điểm sống hai bên không hòa hợp, là vợ chồng nhưng không ai quan tâm đến ai, cả hai đều thấy không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N T T và anh N S H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Chị N T T và anh N S H yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị N T T được ly hôn với anh N S H là hợp lý.

- Về con chung: Chị N T T và anh N S H có hai con chung là N T H T, sinh ngày 03/8/2006 và N L A, sinh ngày 22/5/2013.

Chị N T T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu; Hiện cả 02 cháu đều sống với chị T được chị T chăm sóc phát triển bình thường; Xét chị T có nhà ở và công việc ổn định; nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với chị T. Do đó giao cả 02 cháu N T H T và N L A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N T T và anh N S H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N T T ly hôn anh N S H

2. Về con chung: Giao 02 con chung là N T H T, sinh ngày 03/8/2006 và N L A, sinh ngày 22/5/2013 cho chị N T T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu N T H T và N L A thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị N T T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005546, ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, tỉnh G L.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện C P;
- Chi Cục THS DS huyện C P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh